TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ K** **TỈNH K**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 145/2020/QĐST-HNGĐ	*Tp. Kon Tum, ngày 08 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ dân sự thụ lý số 129/2020/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2020, giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh Phùng Thế P, sinh năm 1983;
- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1989.

Cùng địa chỉ: 272 Duy Tân, thôn Kon Tu 2, phường Trường Chinh, thành phố K, tỉnh K.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55 và 57 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Phùng Thế P và chị Nguyễn Thị H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Phùng Thế P và chị Nguyễn Thị H thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Giao 02 con chung Phùng Kỳ L, sinh ngày 11/5/2008 và Phùng Ngọc H, sinh ngày 22/7/2009 cho anh Phùng Thế P trực tiếp nuôi dưỡng, giáo giáo dục đến khi các con đủ 18 tuổi và tự lập.

Chị Nguyễn Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Không ai được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Cấp dưỡng nuôi con*: Anh Phùng Thế Phong không yêu cầu chị Nguyễn Thị Huệ cấp dưỡng nuôi con.

- *Tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Không.

Anh Phùng Thế P phải hỗ trợ cho chị Nguyễn Thị H số tiền: 200. 000.000 (Hai trăm triệu) đồng. Anh P đã đưa cho chị H được 39.000.000 đồng, còn lại **161.000.000** (Một trăm, sáu mươi mốt triệu) đồng anh P phải trả cho chị H sau khi có quyết định thuận tình ly hôn.

Áp khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015. Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật và chị Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu thi hành án mà anh Phùng Thế P chậm trả số tiền 161.000.000 đồng nêu trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về án phí: Căn cứ Điều 144, khoản 3 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Anh Phùng Thế P phải nộp 150.000 (*Một trăm năm mươi nghìn)* đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003376 ngày 27/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Kon Tum. Hoàn trả lại cho anh Phùng Thế P 150.000 (*Một trăm năm mươi nghìn*) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Tp Kon Tum;
- TAND tỉnh Kon Tum.
- UBND xã Ia Chim;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Xuân Hoài